

LỊCH PHÂN LOẠI RÁC NĂM 2026 (THÁNG 4-THÁNG 9)
2026年度ごみカレンダー(4月~9月)

Vui lòng mang tới điểm thu gom trong ngày (trước 8 giờ sáng)
当日に集積所へ出してください(午前8時まで)
Hãy kiểm tra lịch thu gom rác hàng tháng, vì lịch có thể thay đổi.
収集日が変わることがありますので、必ず月ごとのカレンダーを確認してください。

THỊ TRẤN KONAN
甲南町版

RÁC CHÁY ĐƯỢC..RÁC TƯƠI
燃えるごみ・生ごみ

THỨ 2, THỨ 6
月・金曜日

RÁC NHỰA PHẪU LIỆU
廃プラスチック類

THỨ 5
木曜日
※Số lần thay đổi thu gom
rác đã thay đổi.

GIẤY LOẠI..DẦU ĂN
THẢI
古紙類・廃食用油

THÁNG 1 LẦN THỨ 4
月1回水曜日

CHAI LỌ..LON..PIN KHÔ..ĐÈN ĐIỆN..BẬT LỬA
びん・缶・乾電池・蛍光灯・ライター

THÁNG 1 LẦN THỨ 4
月1回水曜日

THÙNG XÓP
発泡スチロール

THÁNG 1 LẦN THỨ 5 (THAY ĐỔI THEO KHU VỰC SINH SỐNG)
月1回木曜日
A: TUẦN THỨ 2 CỦA THÁNG/Kibogaoka-gakku 第2・希望ヶ丘学区
B: TUẦN THỨ 1 CỦA THÁNG/TUẦN THỨ 3 CỦA THÁNG/Cyubu-gakku 第1・第3・中部学区

RÁC BÃ..KIM LOẠI..SẢN PHẨM ĐIỆN NHỎ.. BÌNH XIT
埋立、金属・小型電気製品、スプレー缶

THÁNG 1 LẦN VÀO
THỨ 4
月1回水曜日

NGÀY MỞ CỬA XỬ LÝ RÁC KHÔNG CHÁY ĐƯỢC
不燃物処理場の開場日

CHAI NHỰA
ペットボトル

Đã thay đổi tháng 2 lần
月2回に変更になりました

THÁNG 4

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16 A	17	18
19	20	21	22 B	23	24	25
26	27	28	29	30		

THÁNG 5

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21 A	22	23
24	25	26	27	28 B	29	30
31						

THÁNG 6

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18 A	19	20
21	22	23	24	25 B	26	27
28	29	30				

THÁNG 7

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16 A	17	18
19	20	21	22	23 B	24	25
26	27	28	29	30	31	

THÁNG 8

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20 A	21	22
23	24	25	26	27 B	28	29
30	31					

THÁNG 9

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17 A	18	19
20	21	22	23	24 B	25	26
27	28	29	30			

LỊCH PHÂN LOẠI RÁC NĂM 2026(THÁNG 10~THÁNG 3)
2026年度ごみカレンダー(10月~3月)

Vui lòng mang tới điểm thu gom trong ngày (trước 8 giờ sáng)
当日に集積所へ出してください(午前8時まで)
Hãy kiểm tra lịch thu gom rác hàng tháng, vì lịch có thể thay đổi.
収集日が変わることがありますので、必ず月ごとのカレンダーを確認してください。

THỊ TRẤN KONAN
甲南町版

RÁC CHÁY ĐƯỢC..RÁC TƯƠI
燃えるごみ・生ごみ

THỨ 2, THỨ 6
月・金曜日

RÁC NHỰA PHẪM LIỆU
廃プラスチック類

THỨ 5
木曜日
※Số lần thay đổi thu gom
rác đã thay đổi.

GIẤY LOẠI, DẦU ĂN THẢI
古紙類・廃食用油

THÁNG 1 LẦN THỨ 4
月1回水曜日

CHAI LO, LON, PIN KHÔ, ĐÈN ĐIỆN, BẬT LỬA
びん・缶・乾電池・蛍光灯・ライター

THÁNG 1 LẦN THỨ 4
月1回水曜日

THÙNG XÓP
発泡スチロール

THÁNG 1 LẦN THỨ 5 (THAY ĐỔI THEO KHU VỰC SINH SỐNG)
月1回木曜日
A: TUẦN THỨ 2 CỦA THÁNG/Kibogaoka-gakku 第2・希望ヶ丘学区
B: TUẦN THỨ 1 CỦA THÁNG/TUẦN THỨ 3 CỦA THÁNG/Cyubu-gakku 第1・第3・中部学区

RÁC BÃI KIM LOẠI SẢN PHẨM ĐIỆN NHỎ, BÌNH XỊT
埋立、金属・小型電気製品、スプレー缶

THÁNG 1 LẦN VÀO THỨ 4
月1回水曜日

NGÀY MỞ CỬA XỬ LÝ RÁC KHÔNG CHÁY ĐƯỢC
不燃物処理場の開場日

CHAI NHỰA
ペットボトル

Đã thay đổi tháng 2 lần
月2回に変更になりました

THÁNG 10

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	A 15	16	17
18	19	20	21	B 22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

THÁNG 11

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	A 19	20	21
22	23	24	25	B 26	27	28
29	30					

THÁNG 12

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	A 17	18	19
20	21	22	23	B 24	25	26
27	28	29	30	31		

THÁNG 1

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	A 21	22	23
24	25	26	27	B 28	29	30
31						

THÁNG 2

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	A 18	19	20
21	22	23	24	B 25	26	27
28						

THÁNG 3

CN	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	A 18	19	20
21	22	23	24	B 25	26	27
28	29	30	31			